

Bản án số: 07/2017/KDTM-PT
Ngày: 15-8-2017
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Bà Bùi Thị Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Phan Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 04/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H

Địa chỉ: Số 25 Bis, đường K, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C – Phó phòng giao dịch C.R. (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2016).

Địa chỉ: Số 109 Đại lộ H, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông C có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Xuân T – Sinh năm: 1973

2. Bà Trần Thị Hồng L – Sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố xóm C, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T: Bà Nguyễn Thị Minh T – Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 12 năm 2016). (Bà T vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Xuân T – Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố xóm C, phường C, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.
(Ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2016, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Phát triển thành phố H và bản tự khai ngày 28/11/2016 của người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn C trình bày:

Ngày 24/7/2015, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – phòng giao dịch C.R – Chi nhánh N.T cho ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị Hồng L vay số tiền 1.150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 0279/15/HĐTDNH-CN/110 ngày 24/7/2015 và Khế ước nhận nợ số: 0279/15/HĐTDNH-CN/110/KUNN-01 ngày 24/7/2015. Đến nay đã quá hạn nhiều kỳ nhưng ông T, bà L vẫn không thanh toán cho ngân hàng. Tính đến ngày 28/11/2016, ông T, bà L còn nợ 1.234.083.893 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.150.000.000 đồng, nợ lãi và lãi phạt là 84.083.893 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay ông T, bà L thế chấp tại ngân hàng 02 bất động sản là: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại tổ dân phố Xóm C, phường L, thành phố R, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 658845, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00129 của Ủy ban nhân dân thị xã R (nay là thành phố R) cấp ngày 04/10/2010 và thửa số 21, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại tổ dân phố H, phường C, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 356529, sổ vào sổ cấp giấy CH 05375 của Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 20/10/2014, chủ sở hữu là ông T và bà L.

Nay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H yêu cầu ông T, bà L phải thanh toán 1.324.161.709 đồng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) và tiền lãi phát sinh đến thời điểm ông T và bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ đã ký kết.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng L, ông Nguyễn Xuân T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có ý kiến, vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 04/01/2017, ông Nguyễn Xuân T có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh T tham gia tố tụng.

Bản án số 04/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa căn cứ:

- Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 1 Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H. Buộc bà Trần Thị Hồng L và ông Nguyễn Xuân T trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền gồm: 1.150.000.000 đồng nợ gốc; 13.808.584 đồng nợ lãi trong hạn; 160.353.125 đồng nợ lãi quá hạn; tổng cộng là 1.324.161.709 đồng.

2. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H phải hoàn trả tài sản thế chấp cho bà Trần Thị Hồng L và ông Nguyễn Xuân T khi ông bà trả xong các khoản nợ và lãi phát sinh.

3. Trường hợp bà Trần Thị Hồng L và ông Nguyễn Xuân T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố R xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại tổ dân phố Xóm C, phường L, thành phố R, được Ủy ban nhân dân thị xã R (nay là thành phố R) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 658845, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00129 ngày 04/10/2010 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị Hồng L.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại tổ dân phố H, phường C, thành phố R được Ủy ban nhân dân thành phố C.R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 356529, sổ vào sổ cấp giấy CH 05375 ngày 20/10/2014 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị Hồng L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/6/2017, ông Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy bản án số 04/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R vì: Tòa án nhân dân thành phố R chưa trưng cầu giám định chữ ký của ông trong hợp đồng tín dụng số 0279/15/HĐTDNH-CN/110 ngày 24/7/2015 và Hợp đồng thế chấp số 0279/15/HĐBĐ-110 ngày 24/7/2015 theo đơn yêu cầu của ông mà đã đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà L phải trả số tiền 1.324.161.709 đồng, bị đơn ông Nguyễn Xuân T vẫn giữ kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung nhưng đề nghị sửa phần án phí của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T, nhưng đương sự đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; ông Nguyễn Xuân T là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có kháng cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Ngày 24/7/2015, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh N.T cho ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị Hồng L vay số tiền 1.150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 0279/15/HĐTDNH-CN/110 với thời hạn vay là 12 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay này ngày 24/7/2015, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H – Chi nhánh N.T và ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị Hồng L ký hợp đồng thế chấp số 0279/15/HĐBĐ thế chấp 02 bất động sản là: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại tổ dân phố Xóm C, phường L, thành phố R, được Ủy ban nhân dân thị xã R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 658845, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00129 ngày 04/10/2010 và thửa số 21, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại tổ dân phố H, phường C, thành phố R, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 356529, số vào sổ cấp giấy CH 05375 do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 20/10/2014. Hợp đồng này được Văn phòng công chứng T.A chứng thực. Đến thời hạn trả nợ, ông T bà L không trả nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà L phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng và lãi phát sinh.

[2.2]. Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông T, bà L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 04/01/2017, Tòa án nhân dân thành phố R nhận được giấy ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh T tham gia tố tụng.

[2.3]. Ngày 11/4/2017, bà Nguyễn Thị Minh T là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Xuân T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố R trưng cầu

giám định chữ ký của ông T tại các hợp đồng tín dụng số 0279/15/HĐTDNH-CN/110 ngày 24/7/2015 và Hợp đồng thế chấp số 0279/15/HĐBĐ-110 ngày 24/7/2015. Ngày 13/4/2017, Tòa án nhân dân thành phố R ra thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng số 179/TB-TA, tổng đạt cho bà T ngày 14/4/2017. Hết thời hạn 10 ngày mà ông T không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo thông báo nên Tòa án nhân dân thành phố R căn cứ Điều 160 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông T là có căn cứ.

[2.4]. Ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố R tiến hành xác minh tại Văn phòng công chứng T.A về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0279/15/HĐBĐ-110 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H và bên thế chấp là ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị Hồng L. Kết quả xác minh cho thấy chính ông T, bà L là người trực tiếp ký vào hợp đồng này trước sự chứng kiến của Công chứng viên.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bản án của Tòa án nhân dân thành phố R căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R đã căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, để tính án phí là chưa chính xác, mà phải áp dụng quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Mặc dù mức án phí của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 trong trường hợp này là giống nhau nhưng Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh cần rút kinh nghiệm. Đối với tiền lãi phát sinh người vay tiền phải trả sau khi xét xử sơ thẩm, theo Án lệ số 08/2016/AL, về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án cấp sơ thẩm qui định chưa đúng, cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm; ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị Hồng L phải nộp 51.724.851 đồng án phí sơ thẩm, ông T, bà L có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn vì nuôi tôm bị thua lỗ, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố R, nên xét giảm cho ông T, bà L 50% án phí. Ông T, bà L còn phải nộp 25.862.425 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 13, Điều 15, Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân T, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2017/KDTM-ST ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bà Trần Thị Hồng L và ông Nguyễn Xuân T trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H số tiền: 1.324.161.709 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu một trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm lẻ chín đồng) (Trong đó: Nợ gốc 1.150.000.000 đồng; Lãi trong hạn 13.808.584 đồng; Lãi quá hạn 160.353.125 đồng) và các khoản tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 16/5/2017, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

3. Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H phải hoàn trả tài sản thế chấp cho bà Trần Thị Hồng L và ông Nguyễn Xuân T khi ông T, bà L trả xong các khoản nợ và lãi phát sinh.

4. Trường hợp bà Trần Thị Hồng L và ông Nguyễn Xuân T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố R xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại tổ dân phố Xóm C, phường L, thành phố R, được Ủy ban nhân dân thị xã R (nay là thành phố R) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 658845, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00129 ngày 04/10/2010 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị Hồng L.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 36 tọa lạc tại tổ dân phố H, phường C, được Ủy ban nhân dân thành phố R cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BN 356529, số vào sổ cấp giấy CH 05375 ngày 20/10/2014 cho ông Nguyễn Xuân T và bà Trần Thị Hồng L.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T, bà Trần Thị Hồng L phải chịu 25.862.425 đồng (Hai lăm triệu tám trăm sáu hai nghìn bốn trăm hai lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011738 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R. Như vậy, ông T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố H 23.658.100 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm năm tám nghìn một trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0003505 ngày 30/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thành phố R;
- Chi cục THADS thành phố R;
- Lưu: Hồ sơ, VP, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đường